

An Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG NĂM 2019

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Điện Nước An Giang.
2. Tên tiếng Anh: An Giang Power And Water Supply Joint Stock Company.
3. Trụ sở chính: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
4. Điện thoại: 0296.3856100 Fax: 0296.3857800

Nội dung thông tin công bố :

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Điện Nước An Giang.

(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2019)

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được rõ.

Trân trọng kính chào !

Nơi nhận :

- Như trên;
- Đăng Website Cty;
- Lưu : VT, KH-KD./.

CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
CHỦ TỊCH HĐQT



lvb
Lương Văn bậ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

*821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
NĂM 2019**

Tháng 04/2020



MỤC LỤC

I. Thông tin chung	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	1
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
4. Định hướng phát triển.....	4
5. Các rủi ro.....	4
II. Tình hình hoạt động trong năm	5
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	5
2. Tổ chức và nhân sự.....	5
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	10
4. Tình hình tài chính.....	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu).....	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	12
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:.....	12
6.2. Tiêu thụ năng lượng:.....	12
6.3. Tiêu thụ nước:.....	12
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:.....	12
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	12
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.	13
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.....	13
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	13
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
2. Tình hình tài chính.....	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....	16
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	16
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.	16
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:.....	16
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:.....	16
V. Quản trị công ty	17
1. Hội đồng quản trị.....	17
2. Ban Kiểm soát.....	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	24
VI. Báo cáo tài chính	26
1. Ý kiến kiểm toán:.....	26
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	26

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Cơ cấu lao động..... 9

Bảng số 2: Tình hình tài chính..... 10

Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... 10

Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông..... 11

Bảng số 5: Tình hình tài sản 15

Bảng số 6: Tình hình công nợ..... 15

Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2016 20

Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát..... 24

Bảng số 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ **Error! Bookmark not defined.**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Điện nước An Giang.
- Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2011, thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 09 năm 2019.

- Vốn điều lệ: 510.929.990.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm mười tỷ, chín trăm hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng).

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 510.929.990.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm mười tỷ, chín trăm hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng).

Căn cứ báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2018 số 930/CTYCPĐN.KH ngày 28/08/2019. *Vốn điều lệ: 510.929.990.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm mười tỷ, chín trăm hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng). Tăng 24,329,990.000 đồng so với vốn điều lệ ban đầu.*

- Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Số điện thoại: 0296.3856100.

- Số fax: 0296.3857800.

- Website: <http://diennuocag.com.vn/>

- Mã cổ phiếu (nếu có): DNA

Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 12/1993, Ban quản lý và Phát triển Điện Nông thôn được thành lập trực thuộc Ủy ban Kế hoạch tỉnh An Giang có nhiệm vụ triển khai thi công đường dây cao thế 110KV đến Châu Đốc và đường dây 35KV về đến tất cả các huyện thị. Năm 1995, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang giao thêm nhiệm vụ phát triển nước sạch nông thôn và đổi tên gọi Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang.

Tháng 11/1996, chuyển thành Công ty Điện Nước An Giang với nhiệm vụ cung cấp điện nước phục vụ cho người dân theo Quyết định thành lập Công ty số 1570/QĐ.UBND ngày 18/11/1996 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Điện nước An Giang tiến hành cổ phần hóa.

Ngày 25/3/2011, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức hoạt động từ ngày 01/04/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 28/3/2011 và thay đổi lần thứ năm ngày 18/9/2019.

Năm 2016, Công ty đã thực hiện đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Bán lẻ điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống điện; Kinh doanh, lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, pin mặt trời;...

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu là ở tỉnh An Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

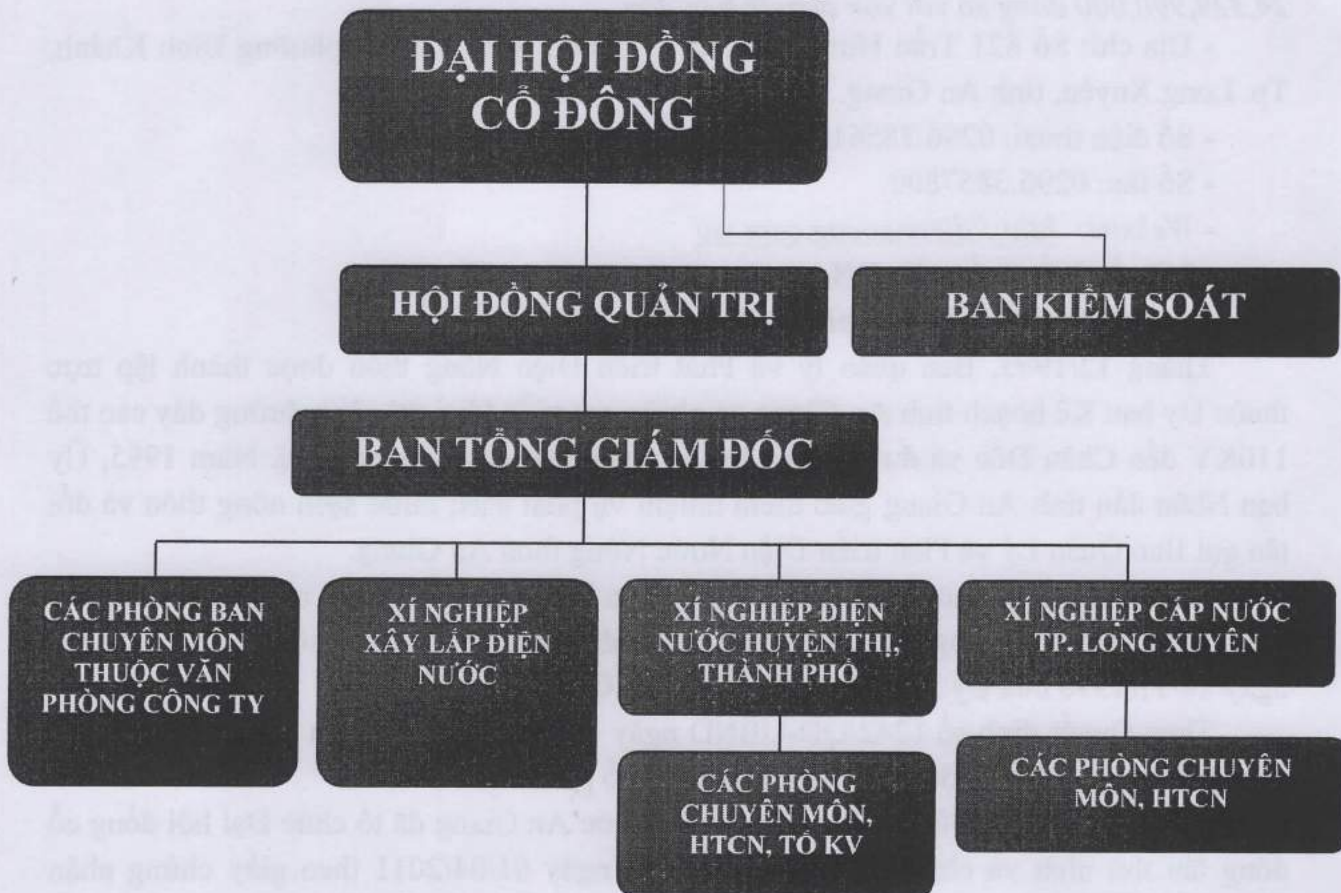
Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty và các đơn vị Xí nghiệp trực thuộc.

- Khối văn phòng Công ty: gồm 14 phòng, ban chức năng.
- Khối Xí nghiệp gồm 12 đơn vị:
 - + 10 Xí nghiệp Điện Nước huyện, thị, thành;
 - + Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên;
 - + Xí nghiệp Xây lắp Điện Nước.

3.2. Mô hình quản trị

Sơ đồ số 1: Mô hình quản trị



(Nguồn: CTCP Điện nước An Giang)

Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

▪ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra HĐQT và Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm.

▪ Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Theo điều lệ của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

HĐQT hiện nay gồm 07 thành viên:

1. Ông: Lương Văn Bạ	Chủ tịch HĐQT
2. Ông: Lê Thành Bửu	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
3. Ông: Trần Thanh Hoàng	Thành viên chuyên trách
4. Ông: Lâm Thành Quang	Thành viên chuyên trách
5. Ông: Trần Nhất Trí	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP. Long Xuyên
6. Ông: Lê Việt Anh	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc
7. Ông: Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên kiêm Giám đốc XN Điện Nước huyện Thoại Sơn

▪ **Ban kiểm soát:**

Do Đại Hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên:

1. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Châu	- Trưởng ban
2. Ông: Đặng Chánh Nghĩa	- Thành viên
3. Ông: Châu Minh Tú	- Thành viên

▪ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Ban Tổng Giám đốc là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch HĐQT Công ty. Chủ tịch HĐQT công ty có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và có thể giao cho các thành viên trong Ban Tổng giám đốc thay mặt mình quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ một công việc hoặc mảng công việc của công ty

▪ **Các phòng ban chuyên môn thuộc văn phòng công ty và các chi nhánh của công ty**

- Công ty bao gồm: 01 Văn phòng công ty và 12 XN trực thuộc.
- Văn phòng công ty: có 14 phòng, ban gồm:
 - + Phòng Kế hoạch – Kinh doanh;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Kỹ thuật điện;
 - + Phòng Kỹ thuật nước;
 - + Phòng An toàn Điện Nước và Môi Trường;
 - + BQL Dự án Đầu tư – Xây dựng;
 - + BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Châu Đốc;
 - + BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Long Xuyên;
 - + Phòng Vật tư;

- + Phòng Công nghệ thông tin;
- + Phòng Tổ chức - Lao động - Tiền lương;
- + Phòng Chống Thất thoát - Thất thu Điện nước;
- + Phòng Pháp Chế;
- + BQL khu biệt thự vườn Châu Đốc Núi Sam.
- Khối Xí nghiệp: bao gồm 12 XN trực thuộc:
 - + XN Cấp Nước TP. Long Xuyên: kinh doanh trên địa bàn TP.Long Xuyên;
 - + XN Điện Nước TP.Châu Đốc: kinh doanh trên địa bàn TP.Châu Đốc;
 - + XN Điện Nước Châu Phú: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Phú;
 - + XN Điện Nước huyện Chợ Mới: kinh doanh trên địa bàn huyện Chợ Mới;
 - + XN Điện Nước huyện Phú Tân: kinh doanh trên địa bàn huyện Phú Tân;
 - + XN Điện Nước huyện An Phú: kinh doanh địa bàn huyện An Phú;
 - + XN Điện Nước Tịnh Biên: kinh doanh trên địa bàn huyện Tịnh Biên;
 - + XN Điện Nước huyện Tri Tôn: kinh doanh trên địa bàn huyện Tri Tôn;
 - + XN Điện Nước TX. Tân Châu: kinh doanh trên địa bàn TX. Tân Châu;
 - + XN Điện Nước Châu Thành: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Thành;
 - + XN Điện Nước Thoại Sơn: kinh doanh trên địa bàn huyện Thoại Sơn;
 - + XN Xây Lắp Điện Nước: xây lắp các công trình điện nước.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Không ngừng phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững công ty và tối đa hoá lợi nhuận của cổ đông, nâng cao giá trị thương hiệu công ty, cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên cấp quản lý, nâng cao ý thức làm việc cũng như tay nghề của lực lượng người lao động.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người lao động.

+ Mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

5. Các rủi ro

⚠️ Rủi ro kinh tế:

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế

vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI.

Mặt khác, dịch CoViid 19 bùng phát mạnh mẽ đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thế giới, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, ảnh hưởng xấu đến an sinh xã hội và nền kinh tế Việt nam cũng đang chịu những ảnh hưởng từ đại dịch này. Những biện pháp quyết liệt của Chính phủ trong việc kiểm chế, kiểm soát dịch bệnh và những chính sách hỗ trợ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp (việc giảm giá bán điện nước) đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tìm ẩn những rủi ro nhất định về sự tăng trưởng.

Rủi ro luật pháp:

Việt Nam đang đẩy mạnh tiến trình hội nhập, điều này khiến môi trường kinh doanh của các Doanh nghiệp cũng thay đổi nhiều. Đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Điện nước An Giang nói riêng phải nhận thức được những thông tin pháp lý, chính sách thỏa thuận cam kết quốc tế cũng như những thay đổi dự kiến trong chính sách pháp luật quốc gia, để thích ứng kịp thời sự hội nhập, cạnh tranh, phát triển.

Pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng loạt các thay đổi về cơ chế, chính sách pháp luật kinh doanh trọng yếu vừa qua và sắp tới cũng đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình.

Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của các Hiệp hội... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Công ty,... sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Để tồn tại và phát triển đòi hỏi Công ty phải tiếp tục tìm kiếm sáng tạo những định hướng mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới trong hoạt động kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Những chỉ tiêu đã đạt được:

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng /giảm
1	Sản lượng điện tiêu thụ	kWh	639.242.934	699.171.000	109.37
2	Tỷ lệ hao hụt điện	%	5.68	5.36	(0.32)
3	Phát triển khách hàng điện	hộ	17.050	13.818	81.04
4	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	67,681,769	71.673.000	105.89
5	Tỷ lệ hao hụt nước	%	21.17	19.84	(1.33)
6	Phát triển khách hàng nước	hộ	22,627	17.637	77.95

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

☛ Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thành Bửu	Tổng Giám đốc
2	Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc

3	Lê Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
4	Trương Văn Nghiệm	Kế toán trưởng

Lý lịch thành viên Ban điều hành:

LÊ THÀNH BỬU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/02/1960
- CMND: 350009449; Ngày cấp: 19/09/2008; Nơi cấp: CA An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 4, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang;
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Quá trình công tác:

Từ 1984 – 1990	Phó phòng Kế hoạch Vật tư, Trưởng phòng Tài vụ Kinh doanh, Trưởng phòng TC-HC Công ty Nhà đất Công trình công cộng tỉnh An Giang
Từ 1990 – 1994	Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 1994 – 2001	Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 2001 – 03/2011	Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang
Từ 3/2011 – 10/2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên
Từ 11/2013-06/2016	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 06/2016 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 6.737.057 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,19% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 13.965 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,027% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 6.723.092 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,16% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 53.970 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,105% vốn điều lệ

Trong đó:

- + Vợ: Bùi Thị Nguyệt, cổ phần sở hữu cá nhân: 48.720 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,095% vốn điều lệ.
- + Con dâu :Lê Thị Thoa, cổ phần sở hữu cá nhân: 5.250 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Ông Lê Thành Bửu đã nghỉ hưu theo quy định từ ngày 01/3/2020.

TRẦN NHẬT TRÍ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/12/1970
- CMND: 352026491; Ngày cấp: 2/11/2006; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9A Đề Thám, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 1994 – 2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2003 – 2004	Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2005 – 03/2011	Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 4/2011 – 2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Điện nước TP Châu Đốc
Từ 2014 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.494.557 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.80% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 12.495 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,024% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 4.482.062 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.77% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 1.575 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Vợ: Nguyễn Ngọc Bích, cổ phần sở hữu cá nhân: 1.575 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ VIỆT ANH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/5/1972
- CMND: 351012816; Ngày cấp: 17/06/1999; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: TT. An Châu, huyện Châu Thành, An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

Từ 1995 – 2000	Chuyên viên phòng Kinh doanh
Từ 2001 – 2003	Phó phòng Kinh doanh
Từ 2003 – 2004	Quyển Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 2004 – 10/2005	Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước huyện Châu Thành
Từ 11/2005 – 03/2011	Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân
Từ 04/2011-12/2012	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân
Từ 2013 - 8/2014	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước huyện Chợ Mới
Từ 8/2014 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.602.182 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,005% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 120.120 cổ phần, chiếm tỷ lệ .0,235....% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 4.482.062 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,77..% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 01/05/1971

- CMND: 352240364; Ngày cấp: 13/11/2009; Nơi cấp: CA. An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 521E Võ Thị Sáu, P. Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán; .Thạc sĩ kinh tế - Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1996 - 1999	Chuyên viên phòng kế toán Công ty Điện Nước An Giang
1999 đến 2012	Phó phòng kế toán Công Ty ĐN An Giang
2012 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 5.250 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.250 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ : Lê Ngọc Thuận, số cổ phần nắm giữ : 2.100 cp, chiếm tỉ lệ : 0,004 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2. *Những thay đổi trong ban điều hành:* Không có

2.3. *Số lượng cán bộ, nhân viên.* Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Bảng số 1: Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	1.365	100%
Đại học và trên đại học	245	17,94%
Cao đẳng, Trung cấp	552	40,43%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	355	26,00%
Tốt nghiệp phổ thông	213	15,60%
Phân theo loại hợp đồng lao động	1.365	100%
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	-
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	1.142	83,66%
- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	223	16,33%
- Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng.	0	7,42%
Phân loại theo giới tính	1.365	100%
- Nam	1.101	80,65%
- Nữ	264	19,35%

Chính sách lương thưởng:

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Xây dựng quỹ tiền lương theo đúng quy định của Nhà nước (xây dựng mức tiền lương theo năng suất lao động).

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột

xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật. Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm, cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính: **Bảng số 2: Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm/
Tổng giá trị tài sản	2.591.642.343.476	2.426.275.061.019	(6.38)
Doanh thu thuần	1.532.023.645.976	1.722.815.431.058	12.45
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	133.175.406.018	140.740.503.389	5.68
Lợi nhuận khác	4.975.173.198	7.646.913.393	53.70
Lợi nhuận trước thuế	138.150.579.216	148.387.416.782	7.41
Lợi nhuận sau thuế	110.277.473.494	118.821.444.385	7.75
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/vốn điều lệ	15%	15%	0%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,97	1,10
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,84	0,98
+ Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,22	0,34
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	26,26	27,33
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	33,04	37,62
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần	26,52	32,45
+ Vòng quay tổng tài sản	lần	0,63	0,69
+ Vòng quay tài sản cố định	lần	1,92	2,22
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,20	6,7
+ Hệ số lợi nhuận Gộp/ Doanh thu thuần	%	20,64	19,48
+ Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	8,69	8,17

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019
+ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,66	6,74
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	4,26	4,89
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cp	1.829	1.853
+ Giá trị sổ sách của cổ phần	Đồng/cp	39.680	47.487

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**a) Cổ phần**

- Tổng số cổ phần: 51.092.999 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 50.830.499 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật,

Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 262.500 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/8/2019.**Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông**

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước			
1.1	Tổ chức:	8	45.303.615	88.67%
	Cổ đông Nhà nước	1	44.820.615	87.72%
	Cổ đông chiến lược	7	483.000	0.945%
1.2	Cá nhân:	579	5.770.169	11.292%
	Cổ đông ngoài	125	2.322.757	4,546%
	Cổ đông trong Công ty	454	3.447.412	6.746%
2	Cổ đông nước ngoài		19.215	0.038%
2.1	Tổ chức	02	19.215	0.038%
2.2	Cá nhân	00	00	
3	Cổ phiếu quỹ	00	00	
Tổng Cộng		589	51.092.999	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nội dung	Số lượng số phần trước khi thay đổi	Số lượng số phần thay đổi trong kỳ	Số lượng số phần sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu:				
- Cổ đông Nhà nước	42.686.300	2.134.315	44.820.615	Nhà nước nhận

5% cổ tức 2018.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Tên nguyên vật liệu chính	ĐVT	Lượng sử dụng
1	Phèn PAC	Kg	1.260.667
2	Clor (bột + lỏng)	Kg	214.582
3	Điện SX	kWh	36.541.458
4	Dầu DO (chạy MFĐ)	lít	35.000

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

+ Điện SX (điện lưới quốc gia): 36.541.458 kWh

+ Điện SX (quy đổi từ chạy MFĐ): 105.000 kWh

Tổng nguồn năng lượng tiêu thụ : 36.646.458 kWh

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Điện SX từ nguồn Năng lượng mặt trời lắp đặt tại HTCN Tri Tôn (công suất 20KWp, vận hành từ tháng 04/2018), HTCN Óc Eo (công suất 20KWp).

b) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Chủ yếu khai thác nguồn nước mặt sông Tiền, sông Hậu và các kênh, rạch trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Tổng lượng nước khai thác: 85.853.101 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2017	2018	2019
Lao động bình quân (người)	1.350	1.360	1.365
Thu nhập bình quân	7.700.000	7.800.000	8 200.000

(triệu đồng/người/tháng)

(Nguồn: CTCP Điện nước An Giang)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 2h00. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 10 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập trình độ về ngoại ngữ và tin học.

Công ty cũng dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Năm 2019, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã giao. Đảm bảo quỹ tiền lương của người lao động được chi trả theo kế hoạch. Cụ thể:

a- Về Kết quả kinh doanh:

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So kế hoạch 2019 (%)	So cùng kỳ (%)
1	Tổng doanh thu (đồng)	1.632.000.000.000	1.735.832.671.651	106,36	112,54
2	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	139.500.000,000	148.387.416.782	106,37	107,41
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ (%)	27.30	29.04	1.74	0.65

b- Về thực hiện các chỉ tiêu SX-KD:

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So kế hoạch 2019 (%)	So cùng kỳ (%)
1	Sản lượng điện mua (kWh)	706.420.000	738.746.000	104.57	109.00
2	Sản lượng điện bán (kWh)	662.500.000	699.171.000	105.53	109.37
3	Hao hụt điện (%)	6.22	5.36	(0.86)	(0.32)
4	Phát triển khách hàng điện (hộ)	9.300	13.818	148.58	81.04
5	Sản lượng sản xuất (m ³)	86.800.000	89.409.000	104.27	106.43
6	Sản lượng tiêu thụ (m ³)	68.735.000	71.673.000	104.52	108.27
7	Hao hụt nước (%)	20.81	19.84	(0.97)	(1.36)
8	Phát triển khách hàng nước (hộ)	11.000	17.637	160.34	77.95

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Trong năm 2019, các Xí nghiệp và Văn phòng Công ty đã có sự nỗ lực rất lớn, góp phần cùng Công ty cơ bản thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Đảm bảo quỹ tiền lương của người lao động được chi trả theo kế hoạch. Được thể hiện qua những kết quả như sau:

+ Doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách đều đạt vượt chỉ tiêu nghị quyết.

+ Công tác phát triển khách hàng điện, nước; Sản lượng điện bán; Sản lượng nước tiêu thụ; Tỷ lệ thất thoát điện nước đều thực hiện đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, tăng cao so với cùng kỳ năm 2018.

- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành những chủ trương phù hợp với tình hình và điều kiện, khả năng Công ty, đáp ứng những yêu cầu thực tế trong việc đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; Sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt và kịp thời xử lý những vướng mắc, trở ngại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty;

- Công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của các Xí nghiệp ngày càng tiến bộ, linh hoạt, phát huy tốt các hệ thống điện nước theo hiện trạng sẵn có, đáp ứng nhu

cầu sử dụng ngày càng tăng của khách hàng; công tác vận động nhân dân, địa phương góp sức cùng Công ty đầu tư đường dây hạ thế, mạng ống cấp nước được các Xí nghiệp thực hiện tốt, góp phần tăng số hộ sử dụng điện nước và tăng sản lượng;

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: **Bảng số 5: Tình hình tài sản năm 2019**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	308.491.619.148	395.237.253.865	21,95
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	68.731.446.273	122.868.776.332	44,06
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	165.455.691.636	175.026.132.715	5,47
<i>Phải thu khách hàng</i>	147.141.487.627	155.070.143.250	5,11
<i>Trả trước cho người bán</i>	12.604.935.847	14.652.542.101	13,97
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	5.671.127.389	5.295.940.752	-7,08
3. Hàng tồn kho	41.552.878.050	43.937.188.154	5,43
4. Tài sản ngắn hạn khác	10.690.800.489	10.811.547.426	1,12
Tài sản dài hạn	2.283.150.724.328	2.031.037.807.154	-12,41
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	
2. Tài sản cố định	787.709.217.825	766.406.149.227	-2,78
3. Tài sản dở dang dài hạn	1.400.797.470.083	1.173.844.697.071	-19,33
4. Đầu tư tài chính dài hạn	2.084.040.000	2.084.040.000	0
5. Tài sản dài hạn khác	92.559.996.420	88.702.920.856	-4,35

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả: **Bảng số 6: Tình hình công nợ**

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2019 (Đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	643.659.330.312	663.290.202.383
I. Nợ ngắn hạn	319.270.149.872	357.922.864.343
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	73.517.646.775	64.599.380.863
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	39.465.399.849	53.942.578.881
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.289.579.110	28.217.129.804
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	32.253.164.717	31.126.330.644
5. Phải trả người lao động	16.610.572.823	23.075.959.055
6. Chi phí phải trả	65.915.143.475	76.017.427.593
7. Phải trả ngắn hạn khác	68.680.228.739	61.901.692.434
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	16.538.414.384	19.042.365.069
II. Nợ dài hạn	324.389.180.440	305.367.338.040

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Tổng Giám đốc có các phòng, ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng, ban Công ty xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.

Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2019 tới các phòng ban trong toàn hệ thống.

Giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 10 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ nghiêm chỉnh đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tiếp tục kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc Công ty phát huy hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Tiếp tục sắp xếp, bố trí tinh gọn bộ máy nhân sự, chọn lọc nhân sự có năng lực để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý của bộ máy điều hành Công ty, tăng cường kiểm tra giám sát và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Lãnh đạo Công ty.

Có chương trình, kế hoạch cụ thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm chi phí sản xuất.

Đẩy mạnh công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và phong cách phục vụ chuyên nghiệp để tạo ấn tượng tốt đẹp về Công ty.

Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, chỉ đạo kịp thời, hiệu quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tiếp tục xây dựng tầm nhìn, kế hoạch chiến lược phát triển Công ty đến năm 2020.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Điện nước An Giang có 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm (2016-2021). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lương Văn Bạ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Không điều hành
2	Trần Thanh Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
3	Lê Thành Bửu	Thành viên Hội đồng quản trị	Tổng Giám đốc
4	Lâm Thành Quang	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
5	Trần Nhất Trí	Thành viên Hội đồng quản trị	Phó Tổng Giám đốc
6	Lê Việt Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành

☛ Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

LƯƠNG VĂN BẠ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1969
- CMND: 350860163; Ngày cấp: 09/6/2014; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 142/1 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, TP long Xuyên, tỉnh An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, cử nhân kinh tế chính trị

Quá trình công tác:

Từ 1995 – 1997	Phó phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang
Từ 1997 – 2004	Trưởng phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang
Từ 2004 – 2006	Giám đốc XN Điện nước huyện Chợ Mới - Cty Điện Nước An Giang

Từ 2007 – 3/2011	Phó Giám đốc Cty Điện Nước An Giang
Từ 3/2011-6/2016	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 6/2016-nay	Chủ tịch HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 29.155.975 cổ phần, chiếm tỷ lệ 57,06% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 22.575 cổ phần, chiếm tỷ lệ .0,044 % vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 29.133.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 57,02% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 139.755 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,273% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Trần Thị Thanh Tuyên, sở hữu cá nhân : 124.740 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,244% vốn điều lệ.

+ Chị ruột : Lương Thị Kim Hiên , sở hữu cá nhân : 9.240 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% vốn điều lệ.

+ Em ruột : Lương Thị Cẩm Bình , sở hữu cá nhân : 3.675 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ.

+ Em rể: Lê Thanh Út, sở hữu cá nhân : 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN THANH HOÀNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/02/1950
- CMND: 350002786; Ngày cấp: 21/09/2010; Nơi cấp: CA An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 67 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị

Quá trình công tác:

Từ 1993 – 1996	Trưởng BQL Điện nước tỉnh An Giang
Từ 1997-3/2011	Giám đốc Cty Điện Nước An Giang
Từ 3/2011-nay	Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 108.570 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 108.570 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 44.520 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,087% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Con ruột : Trần Thị Thanh Phương ,cổ phần sở hữu cá nhân: 31.920 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,062% vốn điều lệ.

+ Con rể : Nguyễn Văn Nghiệp ,cổ phần sở hữu cá nhân: 12.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,025% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÂM THÀNH QUANG

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 10/10/1953

- CMND: 350002852; Ngày cấp: 21/12/2005; Nơi cấp: CA An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 5/2B Thủ Khoa Nghĩa, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Từ 03/1973 – 30/4/1975	Tham gia phong trào HSSV và tham gia biệt động thành phố Long Xuyên và thị đội Long Xuyên
Từ 07/1975 – 12/1979	Công tác tại Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh An Giang
Từ 01/1980 – 4/1994	Văn phòng UBND tỉnh An Giang
Từ 4/1994 – 2011	Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 2001 – 03/2011	Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên
Từ 04/2011-10/2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 11/2013-nay	Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN TUẤN HUY

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/01/1972
- CMND: 350974918; Ngày cấp: 11/10/2007; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 257D/13 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 3, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

Từ 1994 – 2004	Phó phòng Kế hoạch – Vật tư Cty Điện Nước AG
Từ 2004 – 3/2011	Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
Từ 4/2011-2012	Thành viên HĐQT, kiêm Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
Từ 2012 – nay	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 6.930 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.930 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Huỳnh Thị Trúc Chi, cổ phần sở hữu cá nhân: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

▪ **Các thành viên khác đã nêu trong phần lý lịch Ban điều hành**

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : *Thư ký Hội đồng quản trị*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2019

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ.HĐQT	24/01/2019	Họp thường niên HĐQT.
2	02/NQ.HĐQT	15/03/2019	Họp thường niên HĐQT.
3	03/NQ.HĐQT	09/05/2019	Họp thường niên HĐQT.
4	04/NQ.HĐQT	12/06/2019	Họp thường niên HĐQT.
5	05/NQ.HĐQT	21/06/2019	Về việc chi trả cổ tức 2018.
6	06/NQ.HĐQT	01/08/2019	Họp thường niên HĐQT.
7	07/NQ.HĐQT	26/08/2019	V/v tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường.
8	08/NQ.HĐQT	04/10/2019	V/v điều chỉnh vốn điều lệ công ty.
9	09/NQ.HĐQT	20/11/2019	Họp thường niên HĐQT.
10	10/NQ.HĐQT	19/12/2019	Họp thường niên HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Trưởng Ban kiểm soát
2	Đặng Chánh Nghĩa	Thành viên BKS
3	Châu Minh Tú.	Thành viên BKS

NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU

- Giới tính: Nữ
 - Ngày sinh: 12/12/1972
 - CMND: 351501113; Ngày cấp: 17/02/2009; Nơi cấp: CA. An Giang
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: 14 C4 Dương Khuê, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán doanh nghiệp, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

<i>Từ 1999 đến 2011</i>	<i>Nhân viên Công ty Điện Nước An Giang</i>
<i>2011 đến 20/06/2019</i>	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>
<i>Từ 21/06/2019 đến nay</i>	<i>Trưởng ban kiểm soát.</i>

- Chức vụ công tác hiện nay: *Trưởng ban kiểm soát.*
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn

điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

ĐẶNG CHÁNH NGHĨA

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/09/1953
- CMND: 351662584; Ngày cấp: 30/05/2001; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9E0 Đỉnh Công Tráng, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Thống kê Kế toán

Quá trình công tác:

<i>Từ 1978 – 1989</i>	<i>Nhân viên Sở Kế hoạch & Đầu tư An Giang</i>
<i>1994 đến 1996</i>	<i>Kế toán trưởng Ban Quản Lý Điện Nông thôn tỉnh An Giang</i>
<i>1996 đến 2005</i>	<i>Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Điện Nước An Giang</i>
<i>2005 đến 2011</i>	<i>Phó ban Quản lý Dự án HTCN Châu Đốc</i>
<i>2011 đến 20/06/2019</i>	<i>Trưởng ban kiểm soát Công Ty CP Điện Nước An Giang</i>
<i>Từ 21/06/2019 đến nay.</i>	<i>Thành viên Ban kiểm soát.</i>

- Chức vụ công tác hiện nay: *Thành viên Ban kiểm soát.*
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 11.130 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02 % vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 11.130 cổ phần, chiếm tỷ lệ ..0,02...% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

CHÂU MINH TỬ

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 02/12/1983.
- CMND: .351615936.; Ngày cấp: 21/08/2015; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Khomer
- Địa chỉ thường trú: 596/15A Hà Hoàng Hồ - P.Đông Xuyên –TP. Long Xuyên-tỉnh An Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán.

Quá trình công tác:

Từ tháng 12/2002 đến 31/12/2003.	Công tác tại xí nghiệp Xây Lắp Điện Nước thuộc công ty Điện Nước An Giang. Công nhân KT nước.
Tháng 01/2004 đến tháng 03/2007.	Công tác tại xí nghiệp Xây Lắp Điện Nước thuộc công ty Điện Nước An Giang. Nhiệm vụ : kế toán xí nghiệp.
Tháng 04/2007 đến 20/06/2019	Công tác tại phòng kế toán công ty CP Điện Nước An Giang. Nhiệm vụ kế toán viên.
Từ 21/06/2016 đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD) năm 2019, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGD trong năm 2019;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019 đối với HĐQT và BTGD;

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát:

Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực tế
1	Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	đồng	3.446.777.000	3.746.071.377
2	Quỹ khen thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	đồng	430.795.500	430.795.500
	Tổng cộng			

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Bảng số 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

T T	Tên người thực hiện giao dịch	Tên cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1.	Lương Văn Bạ (CTHĐQT)	Lương Văn Bạ (CTHĐQT)	21.500	0.04	22.575	0.04	Phát hành CP trả cổ tức 2018
2.	Trần Thị Thanh Tuyền	Lương Văn Bạ (CTHĐQT)	118.800	0.24	124.740	0.24	Phát hành CP trả cổ tức 2018
3.	Lương Thị Kim Hiên	Lương Văn Bạ (CTHĐQT)	8.800	0.02	9.240	0.018	Phát hành CP trả cổ tức 2018
4.	Lương Thị Cẩm Bình	Lương Văn Bạ (CTHĐQT)	3.500	0.01	3.675	0.007	Phát hành CP trả cổ tức 2018
5.	Lê Thành Út	Lương Văn Bạ (CTHĐQT)	2.000	0.004	2.100	0.004	Phát hành CP trả cổ tức 2018
6.	Lê Thành Bửu (TVHĐQT-TGD)	Lê Thành Bửu (TVHĐQT-TGD)	13.300	0.03	13.965	0.027	Phát hành CP trả cổ tức 2018
7.	Bùi Thị Nguyệt	Lê Thành Bửu (TVHĐQT-TGD)	46.400	0.1	48.720	0.095	Phát hành CP trả cổ

		TGD)					tức 2018
8.	Lê Thị Thoa	Lê Thành Bửu (TVHĐQT- TGD)	5000	0.010	5.250	0.010	Phát hành CP trả cổ tức 2018
9.	Trương Văn Nghiem	Trương Văn Nghiem (KTT)	5000	0.001	5.250	0.01	Phát hành CP trả cổ tức 2018
10	Lê Ngọc Thuận	Trương Văn Nghiem (KTT)	2000	0.004	2.100	0.004	Phát hành CP trả cổ tức 2018
11	Nguyễn Tuấn Huy (TVHĐQT)	Nguyễn Tuấn Huy (TVHĐQT)	6.600	0.01	6.930	0.001	Phát hành CP trả cổ tức 2018
12	Trần Thanh Hoàng	Trần Thanh Hoàng (TVHĐQT)	103.400	0.21	108.570	0.21	Phát hành CP trả cổ tức 2018
13	Trần Thị Thanh Phương	Trần Thanh Hoàng (TVHĐQT)	30.400	0.05	31.920	0.062	Phát hành CP trả cổ tức 2018
14	Nguyễn Văn Nghiep	Trần Thanh Hoàng (TVHĐQT)	12.000	0.025	12.600	0.025	Phát hành CP trả cổ tức 2018
15	Lâm Thành Quang	Lâm Thành Quang (TV HĐQT)	4000	0.01	4.200	0.008	Phát hành CP trả cổ tức 2018
16	Trần Nhất Trí	Trần Nhất Trí (TVHĐQT – PTGD)	11.900	0.02	12.495	0.024	Phát hành CP trả cổ tức 2018
17	Nguyễn Ngọc Bích	Trần Nhất Trí (TVHĐQT – PTGD)	1.500	0.0026	1.575	0.003	Phát hành CP trả cổ tức 2018
18	Lê Việt Anh	Lê Việt Anh (PTGD- TVHĐQT)	114.400	0.24	120.120	0.235	Phát hành CP trả cổ tức 2018

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng Quản trị Công ty luôn hoạt động đúng theo quy định của điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên 2019, bám sát định hướng, chiến lược và tình hình thực tế để đưa ra các quyết sách, quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất của

Công ty.

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp ngân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện đúng theo quy định;

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

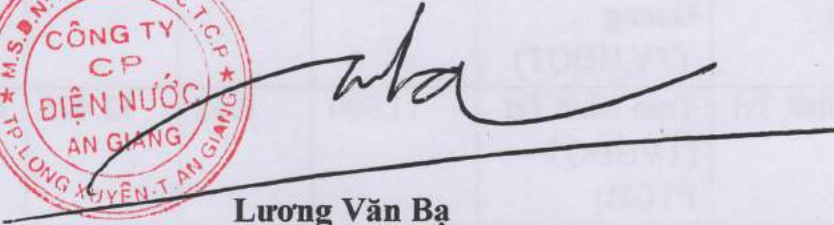
Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: **Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (theo phương pháp gián tiếp); **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố thông tin Báo cáo tài chính: <http://diennuocag.com.vn/>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**




Lương Văn Bạ